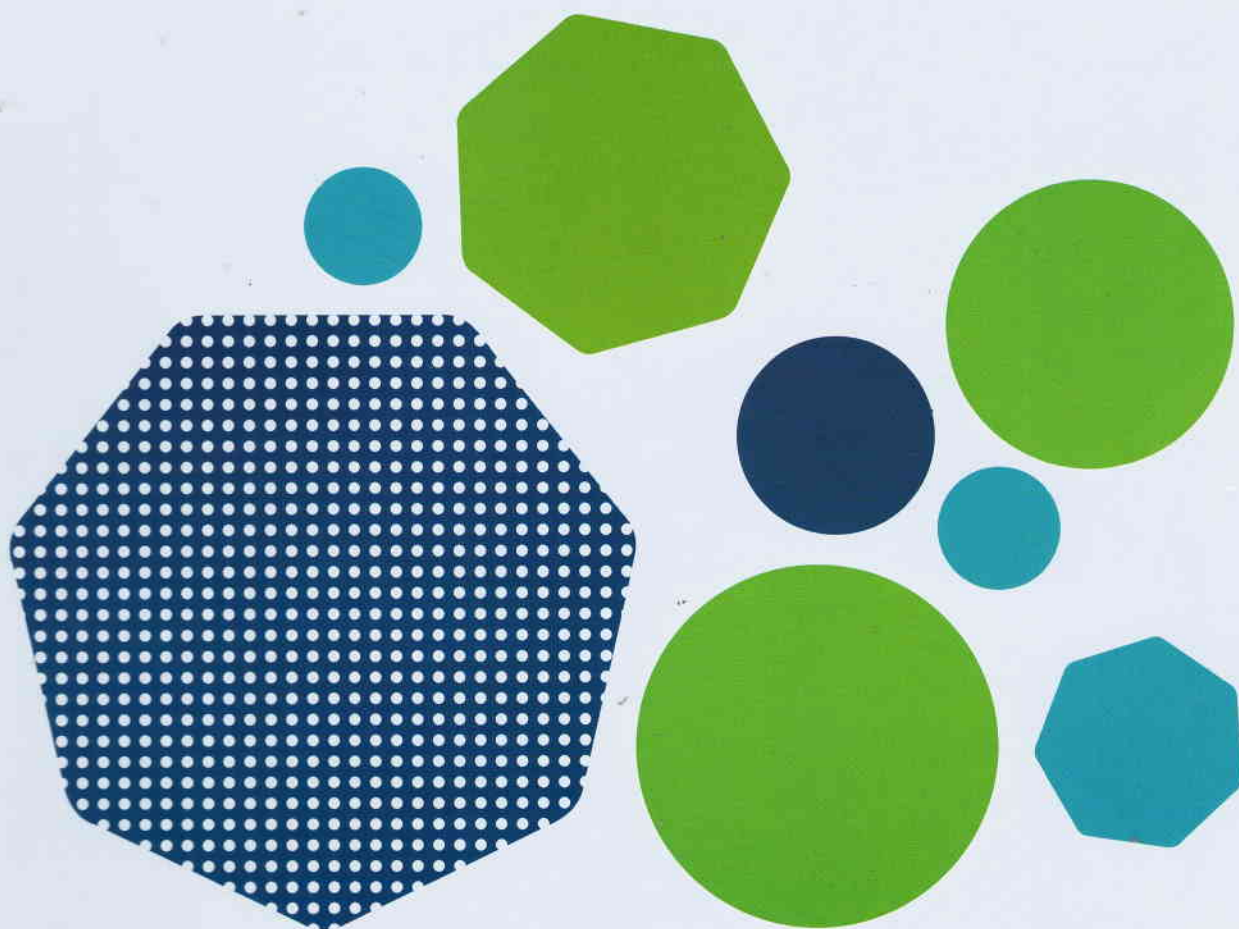




Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THỐNG NHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hoài Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Bà Ngô Thị Hằng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hằng	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/3/2022, từ trang 5 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Bùi Minh Đức
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 5586-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.206.635.986	39.645.106.756
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.148.638.730	16.016.803.951
Tiền	111		6.148.638.730	14.016.803.951
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.746.785.414	17.597.658.775
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.451.425.138	14.072.296.533
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.338.937.317	3.360.656.282
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.367.579.293	452.358.272
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	6	(411.156.334)	(287.652.312)
Hàng tồn kho	140	9	10.311.211.842	6.030.644.030
Hàng tồn kho	141		10.311.211.842	6.030.644.030
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.887.524.089	4.885.598.778
Tài sản cố định	220		3.887.524.089	4.885.598.778
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.887.524.089	4.885.598.778
- Nguyên giá	222		32.246.006.048	32.173.733.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.358.481.959)	(27.288.134.543)
Bất động sản đầu tư	230	11	-	-
- Nguyên giá	231		1.745.042.927	1.745.042.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.745.042.927)	(1.745.042.927)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.094.160.075	44.530.705.534
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.358.740.194	16.095.414.294
Nợ ngắn hạn	310		12.358.740.194	16.095.414.294
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.346.661.563	6.475.119.428
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.841.276	64.631.334
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	571.752.771	1.610.468.276
Phải trả người lao động	314		3.980.083.911	4.193.565.886
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	248.533.000	434.390.756
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		147.968.182	68.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.460.489.807	1.437.898.576
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.400.000.000	1.800.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		150.409.684	11.158.219

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.735.419.881	28.435.291.240
Vốn chủ sở hữu	410	17	28.735.419.881	28.435.291.240
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		410.000.000	410.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.267.421.162	4.165.191.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.057.998.719	1.860.099.447
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		320.099.447	66.333.114
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.737.899.272	1.793.766.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.094.160.075	44.530.705.534

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền



Ngô Thị Hằng



Nguyễn Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	128.973.963.204	145.511.103.769
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	4.869.006.857	5.449.395.789
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	124.104.956.347	140.061.707.980
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	107.075.486.086	122.499.908.412
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.029.470.261	17.561.799.568
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	136.394.900	81.197.578
Chi phí tài chính	22	22	147.299.398	900.630.220
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>146.702.940</i>	<i>752.812.582</i>
Chi phí bán hàng	25	23	6.116.815.337	6.207.770.999
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.599.704.268	8.778.692.041
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.302.046.158	1.755.903.886
Thu nhập khác	31		108.181.818	5.535.644.000
Chi phí khác	32		4.998.669	5.195.095.693
Lợi nhuận khác	40		103.183.149	340.548.307
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.405.229.307	2.096.452.193
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	360.641.928	302.685.860
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.044.587.379	1.793.766.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	836	815

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền



Ngô Thị Hằng



Nguyễn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		135.778.239.610	155.968.969.413
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(107.772.791.926)	(122.238.993.639)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.366.946.102)	(17.699.562.536)
Tiền lãi vay đã trả	04		(154.969.940)	(718.412.582)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(361.914.564)	(294.463.748)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		353.697.200	10.236.765.653
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.194.277.941)	(13.734.897.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.718.963.663)	11.519.404.985
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(420.000.000)	(913.778.181)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		75.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		136.394.900	81.197.578
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(208.605.100)	(832.580.603)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		2.952.390.455	2.169.436.500
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.352.390.455)	(9.422.501.534)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.540.000.000)	(770.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.940.000.000)	(8.023.065.034)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.867.568.763)	2.663.759.348

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	16.016.803.951	13.351.380.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(596.458)	1.664.538
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	10.148.638.730	16.016.803.951

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền

Ngô Thị Hằng

Nguyễn Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Diêm Thông Nhất, là doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1130/QĐ-TTg ngày 27/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100100544 đăng ký lần đầu ngày 2/1/2012, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 14/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 22.000.000.000 đồng chia thành 2.200.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại Số 670, phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất diêm, bật lửa, các sản phẩm từ giấy và bìa, Kinh doanh bất động sản...

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm:

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán buôn và bán lẻ bật lửa:

- Sản xuất bật lửa;
- In ấn.

Chi tiết: In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình Nhà nước cấm):

- Hoạt động xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa.

Chi tiết: Sản xuất diêm:

- Kinh doanh diêm và giấy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo quý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các Tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại số khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh mức khấu hao hàng năm tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 20
- Máy móc, thiết bị	02 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.7 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam). Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch. Tỷ giá khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam”. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tiền mặt, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11. GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng và của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng và tiền thực thu được.

Ghi nhận chi phí

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh thu que mộc xuất khẩu chịu thuế suất 0%, Doanh thu bán hàng trong nước và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%. Trong năm 2021, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Diêm, Thống Nhất là Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	1.711.428.824	5.991.269.266
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.437.209.906	8.025.534.685
- Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	2.000.000.000
	10.148.638.730	16.016.803.951

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Đông	1.879.080.000	-	1.835.520.000	-
- Công ty Cổ phần 22	1.009.181.986	-	508.028.601	-
- Công ty Cổ phần 26	832.167.337	-	583.003.587	-
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	696.311.000	-	1.443.728.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Dương	193.981.313	(193.981.313)	193.981.313	(193.981.313)
- Đậu Đức Dũng	137.129.021	(95.990.315)	137.129.021	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng	93.670.999	(93.670.999)	93.670.999	(93.670.999)
- Công ty TNHH Sản xuất Thiên Long	9.399.700	(9.399.700)	9.399.700	-
- Các đối tượng khác	7.600.503.782	(18.114.007)	9.267.835.312	-
	12.451.425.138	(411.156.334)	14.072.296.533	(287.652.312)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Sathish Kumar match Industries	205.627.987	556.297.953
- Yessar Export	15.959.961	572.799.957
- Zhongshan East Shine Electronic Limited Company	1.841.714.644	1.586.024.394
- Các nhà cung cấp khác	275.634.725	645.533.978
	2.338.937.317	3.360.656.282

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Bảo hiểm xã hội	44.700.603	-
- Đặt cọc - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Phúc Bắc Ninh	2.000.000.000	-
- Tạm ứng	137.669.440	249.349.022
- Phải thu khác	185.209.250	203.009.250
	2.367.579.293	452.358.272

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	3.327.186.417	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	2.492.974.669	-	3.564.839.432	-
- Công cụ, dụng cụ	28.194.336	-	21.027.631	-
- Thành phẩm	1.217.956.506	-	523.546.309	-
- Hàng hóa	1.821.208.093	-	1.003.426.628	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.423.691.821	-	917.804.030	-
	10.311.211.842	-	6.030.644.030	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THỐNG NHẤT

Số 670, phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2021	11.310.116.257	13.566.057.397	7.087.956.031	209.603.636	32.173.733.321
- Mua trong năm	-	420.000.000	-	-	420.000.000
- Thanh lý TSCĐ	-	(172.727.273)	(175.000.000)		(347.727.273)
31/12/2021	11.310.116.257	13.813.330.124	6.912.956.031	209.603.636	32.246.006.048
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2021	(11.035.064.489)	(10.869.759.634)	(5.228.455.267)	(154.855.153)	(27.288.134.543)
- Khấu hao trong năm	-	(826.342.103)	(564.278.038)	(27.454.548)	(1.418.074.689)
- Thanh lý TSCĐ	-	172.727.273	175.000.000		347.727.273
31/12/2021	(11.035.064.489)	(11.696.101.737)	(5.792.733.305)	(182.309.701)	(28.358.481.959)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2021	275.051.768	2.696.297.763	1.859.500.764	54.748.483	4.885.598.778
31/12/2021	275.051.768	2.117.228.387	1.120.222.726	27.293.935	3.887.524.089

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.247.058.394 đồng (tại ngày 01/01/2021 là: 26.645.516.067 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/12/2021
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ				
Nguyên giá				
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.745.042.927	-	-	1.745.042.927
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(1.745.042.927)	-	-	(1.745.042.927)
Giá trị còn lại				
- Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.745.042.927 đồng (tại ngày 01/01/2021 là: 1.745.042.927 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

Số 670, Phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang Quận Long Biên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Giấy Mạnh Đạt	1.556.048.406	1.556.048.406	790.853.371	790.853.371
- Billion Ascent Industrial L.td	1.472.527.160	1.472.527.160	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Phúc Bắc Ninh	234.834.600	234.834.600	677.493.740	677.493.740
- Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tuyển Quang Lê	230.554.500	230.554.500	-	-
- Công ty Điện lực Long Biên	220.484.741	220.484.741	465.293.784	465.293.784
- Công ty Cổ phần sản Sơn Sơn	196.350.000	196.350.000	-	-
- Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	114.459.180	114.459.180	275.235.928	275.235.928
- Công ty Giấy Phát Đạt (TNHH)	-	-	138.628.600	138.628.600
- Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Hải Việt Nam	-	-	3.939.330.384	3.939.330.384
- Các đối tượng khác	321.402.976	321.402.976	188.283.621	188.283.621
	4.346.661.563	4.346.661.563	6.475.119.428	6.475.119.428

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2021		Số đã nộp/bù trừ trong năm		31/12/2021	
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm		31/12/2021	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	1.494.887.062	15.004.057.199	16.007.433.418		491.510.843	
Thuế GTGT đầu ra	1.494.887.062	12.278.101.068	13.281.477.287		491.510.843	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.725.956.131	2.725.956.131		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.914.564	360.641.928	361.914.564		79.641.928	
- Thuế thu nhập cá nhân	34.666.650	94.849.196	128.915.846		600.000	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.931.362.680	2.931.362.680		-	
- Phí, lệ phí và các khoản thuế khác	-	3.000.000	3.000.000		-	
	1.610.468.276	18.393.911.003	19.432.626.508		571.752.771	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	316.429.000
- Chi phí lãi vay phải trả	26.133.000	34.400.000
- Chi phí tiền điện	-	43.448.683
- Chi phí may đồng phục	212.300.000	-
- Các khoản chi phí phải trả khác	10.100.000	40.113.073
	248.533.000	434.390.756

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	10.260.039	68.333.439
- Bảo hiểm xã hội	-	16.427.969
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	258.750.000	178.465.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.191.479.768	1.174.672.168
	1.460.489.807	1.437.898.576

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THỐNG NHẤT

Số 670, phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) (1)	-	-	1.552.390.455	1.552.390.455	-	-
Vay cá nhân	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Bà Ngô Thị Hằng (2)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Bà Trương Thúy Anh	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết (3)	600.000.000	600.000.000	600.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
	1.400.000.000	1.400.000.000	2.952.390.455	3.352.390.455	1.800.000.000	1.800.000.000

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB) để thanh toán các hợp đồng mua bán cho nhà cung cấp và được tất toán ngay trong năm.

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ ký ngày 08/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất và Bà Ngô Thị Hằng với số tiền vay là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm.

(3) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ ký ngày 08/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất và Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết với số tiền vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Cộng VND
01/01/2020	22.000.000.000	410.000.000	4.165.191.793	836.333.114	27.411.524.907
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(770.000.000)	(770.000.000)
Trả cổ tức năm 2019	-	-	-	(770.000.000)	(770.000.000)
- Lãi trong năm	-	-	-	1.793.766.333	1.793.766.333
31/12/2020	22.000.000.000	410.000.000	4.165.191.793	1.860.099.447	28.435.291.240
01/01/2021	22.000.000.000	410.000.000	4.165.191.793	1.860.099.447	28.435.291.240
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.540.000.000)	(1.540.000.000)
Trả cổ tức năm 2020 (*)	-	-	-	(1.540.000.000)	(1.540.000.000)
- Lãi trong năm	-	-	-	2.044.587.379	2.044.587.379
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(204.458.738)	(204.458.738)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	102.229.369	(102.229.369)	-
31/12/2021	22.000.000.000	410.000.000	4.267.421.162	2.057.998.719	28.735.419.881

(*) Trong năm 2021, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 29/4/2021.

(**) Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 47/QĐ-DTN ngày 31/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc Trích quỹ từ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
- Cổ tức đã chia	(1.540.000.000)	(770.000.000)

17.3 Cổ phiếu

	31/12/2021 CP	01/01/2021 CP
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
- Ngoại tệ (USD)	1.920,29	1.933,49
- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.400.008.600	1.400.008.600

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	118.781.623.924	136.992.909.450
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.192.339.280	8.518.194.319
	128.973.963.204	145.511.103.769
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	4.807.479.457	5.345.967.785
- Giảm giá hàng bán	-	55.570.236
- Hàng bán bị trả lại	61.527.400	47.857.768
	4.869.006.857	5.449.395.789
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.104.956.347	140.061.707.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	103.545.778.982	118.395.295.256
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.529.707.104	4.104.613.156
	107.075.486.086	122.499.908.412

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	136.394.900	81.197.578
	136.394.900	81.197.578

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	146.702.940	752.812.582
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	38.655.978
- Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm tài chính	596.458	109.161.660
	147.299.398	900.630.220

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	4.027.545.257	4.186.592.200
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	137.844.669	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	101.327.268	53.495.794
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	442.193.540	749.988.064
- Chi phí khác	1.407.904.603	1.217.694.941
	6.116.815.337	6.207.770.999

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.674.454.485	2.054.353.652
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	82.950.840	-
- Tiền thuê đất	2.931.362.680	3.072.960.919
- Chi phí khấu hao TSCĐ	384.434.544	439.121.765
- Chi phí dự phòng	233.636.747	-
- Chi phí khác	3.292.864.972	3.212.255.705
	8.599.704.268	8.778.692.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	17.974.679.729	17.997.991.605
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	50.907.631.881	48.330.805.975
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.418.074.689	2.790.573.443
- Chi phí dự phòng	233.636.747	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.407.955.091	4.125.172.632
- Chi phí khác bằng tiền	6.174.756.704	4.351.027.457
	79.116.734.841	77.595.571.112

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.405.229.307	2.096.452.193
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	170.784.462	221.349.664
- Chi phí không được trừ	170.784.462	221.349.664
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.576.013.769	2.317.801.857
+ Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong năm phải trả ước tính	515.202.754	463.560.371
- Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 cho khoản chi khám sức khỏe thêm 1 lần cho các lao động nữ	-	(31.152.000)
- Chi phí thuế TNDN giảm 30% (*)	(154.560.826)	(129.722.511)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	360.641.928	302.685.860

(*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp kỳ tính thuế năm 2021 theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.044.587.379	1.793.766.333
Tổng điều chỉnh giảm	(204.458.738)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	(204.458.738)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và trích lập các quỹ	1.840.128.641	1.793.766.333
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm (CP)	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	836	815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Trần Hoài Trung	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Ngô Thị Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

28.1 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	800.000.000	800.000.000
- Bà Ngô Thị Hằng	800.000.000	800.000.000

28.2 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay từ bên liên quan	800.000.000	800.000.000
- Bà Ngô Thị Hằng	800.000.000	800.000.000
Trả nợ vay bên liên quan	800.000.000	-
- Bà Ngô Thị Hằng	800.000.000	-
Thu nhập của ban giám đốc	999.177.650	1.035.240.560
- Ông Trần Hoài Trung	72.000.000	34.000.000
- Ông Nguyễn Hưng	395.417.950	409.197.800
- Ông Nguyễn Văn Kiêm	231.108.350	276.616.760
- Bà Ngô Thị Hằng	300.651.350	315.426.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Hiền

Ngô Thị Hằng



Nguyễn Hưng